

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2018/DSST

Ngày 28/11/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Bình Quyền
2. Bà Đỗ Thị Vân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Ngọc Vân - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoằng Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST- DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXX-ST ngày 16/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Lê Thị Kh, sinh năm 1976

Địa chỉ: đội 11, xã A, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Lê Trương L, sinh năm 1969

chị Lê Thị T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn L, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn chị Lê Thị Kh và bị đơn chị Lê Thị T, vắng mặt bị đơn anh Lê Trương L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/9/2018, bản tự khai ngày 02/10/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị Kh trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên tôi đã cho vợ chồng anh Lê Trương L và chị Lê Thị T vay tiền, vàng nhiều lần các lần vay như sau:

Lần 1: Ngày 03/02/2017, chị T anh L vay của tôi số tiền 167.000.000 đồng (một

trăm sáu mươi bảy triệu đồng), với hai lần lấy tiền: một lần vay 100.000.000 đồng, một lần vay 67.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 27/9/2017 âm lịch vay tôi 09 (chín) chỉ vàng 9999, tạm tính là 3.445.000 đồng/chỉ, tổng là 31.000.000 đồng (Ba mươi một triệu đồng)

Lần 3: ngày 25/10/2017 vay tôi 497.000.000 đồng.

Tổng cộng là 695.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Khi cho vay, chị Tiến là người trực tiếp nhận tiền, có viết giấy vay tiền và cả anh Lê Trương L cùng chị Lê Thị T ký nhận nợ, trong giấy vay tiền không ghi về phần lãi **mà chỉ thỏa thuận miệng là tính theo lãi suất ngân hàng**, không hẹn thời điểm trả nợ mà chỉ thỏa thuận khi nào tôi cần sẽ báo trước. Thời gian gần đây, do cần tiền nên tôi đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng ông L bà T cố tình chây ỳ, không trả với lý do nêu ra là do làm ăn thua lỗ, đồng thời ông L bà T giao đăng ký tàu cá số TH- 90929 mang tên ông Lê Trương L cho tôi giữ để làm tài sản đảm bảo.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Trương L và bà Lê Thị T phải trả toàn bộ khoản nợ đã vay cho tôi với tổng số tiền là 695.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Về lãi suất: Từ thời điểm vay đến nay, anh L chị T chưa thanh toán lãi cho tôi, tuy nhiên do anh chị hiện đang khó khăn nên tôi không yêu cầu khoản tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2018 và lời khai tại phiên tòa của bà Lê Thị T thể hiện:

Tôi và chị Kh có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2016, khi tôi cần tiền chị Kh dẫn tôi xuống nhà anh T chợ vục vay số tiền 420.000.000 đồng với lãi suất 4.000 đồng/ngày/triệu. Đến ngày 10/10/2017 khi nhà tôi cháy 01 con tàu nên không có tiền trả lãi, anh T có nói với tôi số tiền tôi vay đã chuyển lại sang nợ cho chị Kh, nay tôi sẽ là người nợ chị Kh. Khi tôi hỏi chị Kh cũng xác nhận đã nhận số tiền đó cho tôi và nay tôi sẽ phải trả cho chị Kh. Cuối năm 2017, tôi có đóng ống (tham gia chơi họ) với chị Kh và mua 01 cái ống (họ) được 200.000.000 đồng và trừ nợ với chị Khoa: là 110.000.000 đồng tiền lãi và 90.000.000 đồng tiền gốc. Vậy tôi còn nợ lại **330.000.000** đồng. Đến đầu năm 2018 tôi có vay thêm chị Kh **100.000.000** đồng với lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/ngày/1 triệu, đến tháng 5/2018, tôi không đủ khả năng trả lãi. Chị Kh còn cho tôi nợ tiền lãi trước năm 2015 là **67.000.000** đồng nhưng đó là tiền lãi. Cuối năm 2017 chị Kh cho tôi vay 09 chỉ vàng 9999. Hiện nay tôi chỉ nợ chị Kh tổng là 497.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi bảy triệu) và 09 chỉ vàng 9999, không thể chấp gì, còn giấy đăng ký thế chấp con tàu gia đình tôi làm mất chứ không thể chấp cho chị Kh. Đối với giấy vay nợ 167.000.000 đồng đã được cộng nợ dồn vào một giấy nhận nợ với tổng tiền 497.000.000 đồng, nhưng do sơ xuất và tin

tương vì nghĩ là chỗ chị em nên tôi không lấy lại giấy. Sau khi vay nợ, tôi mới nói với chồng tôi đến ký giấy nhận nợ với chị Kh, tôi và chồng tôi cộng lại một tờ giấy và cả hai vợ chồng ký. Đối với giá trị vàng chị Kh đưa ra là 3.445.000 đồng/chỉ tôi không có ý kiến gì.

Trong cùng bản tự khai ngày 22/10/2018, anh Lê Trương L bổ sung ý kiến: vợ tôi dẫn tôi vào nhà chị Kh (C) nhận nợ số tiền chị Kh cộng lại là 497.000.000 đồng và 09 (chín) chỉ vàng, còn 167.000.000 đồng đã cộng vào giấy nhận nợ 497.000.000 đồng nhưng vợ tôi không lấy lại tờ giấy 167.000.000 đồng mà để lại nhà chị Kh. Tôi xác nhận chỉ còn nợ lại 497.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi bảy triệu đồng) và 09 chỉ vàng. Nay vợ chồng tôi xin trả dần theo mức thu nhập là khoảng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Kh đã cho chị Lê Thị T và anh Lê Trương L vay tiền và vàng thể hiện bằng giấy vay tiền, giấy vay vàng. Nay chị Kh đòi tiền nhiều lần nhưng chị Lê Thị T và anh Lê Trương L không trả nên chị Kh đã khởi kiện đến Tòa án. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện được quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Kh đã làm đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án mở phiên hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa hôm nay anh Lê Trương L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung:

Việc vay nợ giữa chị Lê Thị T và anh Lê Trương L với chị Lê Thị Kh đều được thể hiện bằng văn bản, có ghi số tiền vay, số vàng vay và chữ ký xác nhận của bên vay là chị T và anh L và bên cho vay là chị Lê Thị Kh là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với pháp luật theo đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Đối với các khoản vay: bên cho vay là chị Lê Thị Kh và bên vay là chị Lê Thị T, anh Lê Trương L thống nhất đối với khoản tiền vay là 497.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 9999. Chị Kh đưa ra giá trị của 09 chỉ vàng 9999 tại thời điểm hiện tại khoảng 31.000.000 đồng (3.445.000 đồng/chỉ), anh L chị T không có ý kiến gì về giá nên Hội đồng xét xử chấp nhận

với giá này để làm căn cứ xác định án phí. Việc chị Kh yêu cầu anh L chị T phải 09 chỉ vàng bằng tiền là không phù hợp mà cần buộc phải trả bằng hiện vật đã vay là vàng theo đúng quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và không phải chịu lãi suất đối với khoản vay vàng.

Riêng yêu cầu đòi nợ của chị Kh đối với khoản tiền 167.000.000 đồng thì cả anh L và chị T không đồng ý vì anh chị đều cho rằng anh chị đã cộng dồn tất cả các khoản nợ vào chung một giấy xác nhận nợ với tổng số tiền 497.000.000 đồng đã bao gồm số tiền 167.000.000 đồng, nhưng do sơ xuất anh chị chưa lấy lại giấy vay nợ đối với khoản tiền 167.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc vay nợ giữa các bên đương sự được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận rõ ràng, bên vay cũng đã xác nhận các chữ ký trong toàn bộ các giấy vay nợ đối với các khoản 497.000.000 đồng, 167.000.000 đồng và 09 chỉ vàng là chữ ký của mình. Việc bên vay là anh L chị T cho rằng đã cộng dồn nợ nhưng chưa lấy lại giấy nhận nợ đối với số tiền 167.000.000 đồng là không có cơ sở, anh chị cũng không đưa ra được căn cứ nào để chứng minh sự việc này, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Như vậy hợp đồng vay tài sản được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự. Chị Lê Thị Kh đã đưa ra đầy đủ các chứng cứ là các giấy vay nợ đối với các khoản tiền 167.000.000 đồng, 497.000.000 đồng và khoản nợ 09 chỉ vàng 9999 có đầy đủ chữ ký xác nhận của các bên trên cơ sở tự nguyện. Chị Kh đã nhiều lần đòi nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên anh Lê Trương L và chị Lê Thị T chây ỳ không trả nợ.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kh, buộc anh Lê Trương L và chị Lê Thị T phải trả cho chị Lê Thị Kh toàn bộ số tiền đã vay bao gồm: 167.000.000 đồng + 497.000.000 đồng = 664.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 9999. Buộc anh Lê Trương L và chị Lê Thị T phải có trách nhiệm trả cho chị Lê Thị Kh toàn bộ số tiền và vàng đã vay.

Về nợ lãi: trong các giấy vay nợ không thể hiện lãi suất, chị Kh cho rằng do các bên thỏa thuận miệng với nhau theo lãi suất ngân hàng và nay do chị nhận thấy anh L chị T tiền khó khăn nên chị không yêu cầu phải trả lãi đối với toàn bộ khoản nợ đã vay. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của chị Kh đề nghị xử lý tài sản đảm bảo là con tàu cá TH- 90929 mang tên ông Lê Trương L Hội đồng xét xử nhận thấy tàu cá là loại tài sản có đăng ký quyền sở hữu vì vậy khi sử dụng trong các giao dịch phải tuân thủ theo luật định về hợp đồng giao dịch. Trong trường hợp này chị Kh không cung cấp hợp đồng thế chấp con tàu có công chứng, chứng thực, chị Lê Thị T cũng cho rằng khi vay tiền và vàng của chị Kh

chị không có tài sản đảm bảo gì. Vì vậy không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Kh về việc xử lý tài sản đảm bảo là quyền sở hữu con tàu TH- 90929 mang tên ông Lê Trương L.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Lê Thị T và anh Lê Trương L phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là: $20.000.000 \text{ đồng} \times \{(695.000.000\text{đ} - 400.000.000\text{đ}) \times 4\%\} = 31.800.000 \text{ đồng}$ (ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng), mỗi người phải chịu 15.900.000 đồng.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, chị Lê Thị Kh không phải chịu án phí nên chị được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35, khoản 3 Điều 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Kh. Buộc chị Lê Thị T và anh Lê Trương L phải trả cho chị Lê Thị Kh các khoản gồm:

167.000.000 đồng + 497.000.000 đồng = 664.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 9999.

(Sáu trăm sáu mươi tư triệu đồng) và chín chỉ vàng 9999.

Cụ thể anh Lê Trương L phải có trách nhiệm trả lại cho chị Lê Thị Kh số tiền 332.000.000 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu đồng) và 4,5 chỉ vàng 9999; Chị Lê Thị T phải có trách nhiệm trả lại cho chị Lê Thị Kh số tiền 332.000.000 đồng (ba trăm ba mươi hai triệu đồng) và 4,5 chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị Lê Thị T và anh Lê Trương L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 31.800.000 đồng (ba mươi một triệu tám trăm nghìn đồng), cụ thể chị Lê Thị T và anh Lê Trương L mỗi người phải chịu 15.900.000 đồng (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

Chị Lê Thị Kh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0004403 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn chị Lê Thị Kh và bị đơn chị Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Lê Trương L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. H;
- Chi cục THA DS h. H;
- UBND xã **Tr, H;**
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Bình Quyền

Đỗ Thị Vân

Lê Thị Ngọc Tú